BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2953 /LĐTBXH-KHTC V/v báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với NCC với cách mạng theo Nghị định số 99/2018/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2018*

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Thực hiện Nghị định số 99/2018/NĐ-CP ngày 12/7/2018 của Chính phủ về việc quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng, Bộ yêu cầu Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố:

1/ Tổng hợp nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp, phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 99/2018/NĐ-CP từ ngày 01/7/2018 (theo mẫu biểu đính kèm).

2/ Báo cáo của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố gửi về Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục Người có công) trước ngày 31/7/2018 để tổng hợp đề nghị Bộ Tài chính bổ sung dự toán kinh phí thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính, điện thoại: 024.38.269.544 và Cục Người có công) để được hướng dẫn thêm./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- TT Lê Tấn Dũng (để b/cáo);
- Cục NCC (để phối hợp);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Phạm Quang Phụng

ở Lao động - Thương binh và Xã hội....

Biểu số 1

TỔNG HỢP NHU CẦU TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG TĂNG THÊM NĂM 2017 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 99/2018/NĐ-CP

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG TẠI THỜI ĐIỂM 01/7/2018	QUỸ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP THÁNG 7/2018		TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018
			THEO NĐ SỐ 70/2017/NĐ-CP	THEO NĐ SỐ 99/2018/NĐ-CP		
A	B	1	2	3	4=3-2	5=4*6
	TỔNG CỘNG					
I	**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG**					
1	Người hoạt động CM trước ngày 01/01/1945 diện thoát ly					
2	Người hoạt động CM trước ngày 01/01/1945 diện không thoát ly					
3	Người hoạt động CM trước ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945					
II	**BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG, ANH HÙNG**					
1	Bà mẹ Việt nam anh hùng					
2	Anh hùng LLVT, anh hùng lao động trong thời kỳ KC					
III	**THƯƠNG BINH (TB), NGƯỜI HƯỞNG CHÍNH SÁCH NHƯ TB**					
1	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 21%					
2	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 22%					
3	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 23%					
4	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 24%					
5	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 25%					
6	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 26%					
7	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 27%					
8	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 28%					
9	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 29%					
10	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 30%					
11	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 31%					
12	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 32%					
13	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 33%					

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG TẠI THỜI ĐIỂM 01/7/2018	QUỸ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP THÁNG 7/2018		TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	TRỢ CẤP, PH CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018
			THEO NĐ SỐ 70/2017/NĐ-CP	THEO NĐ SỐ 99/2018/NĐ-CP		
14	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 34%					
15	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 35%					
16	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 36%					
17	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 37%					
18	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 38%					
19	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 39%					
20	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 40%					
21	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 41%					
22	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 42%					
23	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 43%					
24	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 44%					
25	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 45%					
26	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 46%					
27	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 47%					
28	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 48%					
29	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 49%					
30	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 50%					
31	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 51%					
32	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 52%					
33	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 53%					
34	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 54%					
35	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 55%					
36	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 56%					
37	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 57%					
38	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 58%					
39	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 59%					
40	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 60%					

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG TẠI THỜI ĐIỂM 01/7/2018	QUỸ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP THÁNG 7/2018		TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018
			THEO NĐ SỐ 70/2017/NĐ-CP	THEO NĐ SỐ 99/2018/NĐ-CP		
41	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 61%					
42	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 62 %					
43	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 63 %					
44	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 64 %					
45	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 65 %					
46	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 66 %					
47	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 67 %					
48	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 68 %					
49	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 69 %					
50	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 70 %					
51	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 71 %					
52	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 72 %					
53	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 73 %					
54	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 74 %					
55	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 75 %					
56	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 76 %					
57	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 77 %					
58	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 78 %					
59	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 79 %					
60	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 80 %					
61	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81 %					
62	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 82 %					
63	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 83 %					
64	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 84 %					
65	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 85 %					
66	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 86 %					
67	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 87 %					

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG TẠI THỜI ĐIỂM 01/7/2018	QUỸ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP THÁNG 7/2018		TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	TRỢ CẤP, PH CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018
			THEO NĐ SỐ 70/2017/NĐ-CP	THEO NĐ SỐ 99/2018/NĐ-CP		
68	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 88 %					
69	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 89 %					
70	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 90 %					
71	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 91 %					
72	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 92 %					
73	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 93 %					
74	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 94 %					
75	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 95 %					
76	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 96 %					
77	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 97 %					
78	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 98 %					
79	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 99 %					
80	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 100 %					
81	Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên					
82	Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng					
IV	**THƯƠNG BINH LOẠI B**					
1	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 21%					
2	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 22%					
3	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 23%					
4	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 24%					
5	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 25%					
6	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 26%					
7	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 27%					
8	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 28%					
9	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 29%					
10	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 30%					
11	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 31%					

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG TẠI THỜI ĐIỂM 01/7/2018	QUỸ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP THÁNG 7/2018		TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018
			THEO NĐ SỐ 70/2017/NĐ-CP	THEO NĐ SỐ 99/2018/NĐ-CP		
12	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 32%					
13	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 33%					
14	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 34%					
15	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 35%					
16	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 36%					
17	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 37%					
18	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 38%					
19	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 39%					
20	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 40%					
21	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 41%					
22	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 42%					
23	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 43%					
24	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 44%					
25	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 45%					
26	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 46%					
27	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 47%					
28	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 48%					
29	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 49%					
30	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 50%					
31	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 51%					
32	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 52%					
33	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 53%					
34	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 54%					
35	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 55%					
36	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 56%					
37	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 57%					
38	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 58%					

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG TẠI THỜI ĐIỂM 01/7/2018	QUỸ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP THÁNG 7/2018		TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018
			THEO NĐ SỐ 70/2017/NĐ-CP	THEO NĐ SỐ 99/2018/NĐ-CP		
39	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 59%					
40	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 60%					
41	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 61%					
42	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 62 %					
43	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 63 %					
44	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 64 %					
45	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 65 %					
46	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 66 %					
47	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 67 %					
48	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 68 %					
49	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 69 %					
50	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 70 %					
51	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 71 %					
52	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 72 %					
53	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 73 %					
54	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 74 %					
55	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 75 %					
56	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 76 %					
57	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 77 %					
58	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 78 %					
59	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 79 %					
60	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 80 %					
61	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81 %					
62	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 82 %					
63	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 83 %					
64	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 84 %					
65	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 85 %					

Đơn vị: 1.000 đồng

ST T	ĐỐI TƯỢNG	SỐ NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG TẠI THỜI ĐIỂM 01/7/2018	QUỸ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP THÁNG 7/2018		TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018
			THEO NĐ SỐ 70/2017/NĐ-CP	THEO NĐ SỐ 99/2018/NĐ-CP		
66	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 86 %					
67	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 87 %					
68	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 88 %					
69	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 89 %					
70	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 90 %					
71	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 91 %					
72	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 92 %					
73	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 93 %					
74	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 94 %					
75	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 95 %					
76	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 96 %					
77	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 97 %					
78	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 98 %					
79	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 99 %					
80	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 100 %					
81	Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên					
82	Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng					
V	**BỆNH BINH**					
1	Suy giảm khả năng lao động 61%					
2	Suy giảm khả năng lao động 62%					
3	Suy giảm khả năng lao động 63%					
4	Suy giảm khả năng lao động 64%					
5	Suy giảm khả năng lao động 65%					
6	Suy giảm khả năng lao động 66%					
7	Suy giảm khả năng lao động 67%					
8	Suy giảm khả năng lao động 68%					
9	Suy giảm khả năng lao động 69%					

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG TẠI THỜI ĐIỂM 01/7/2018	QUỸ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP THÁNG 7/2018		TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	TRỢ CẤP, PH CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018
			THEO NĐ SỐ 70/2017/NĐ-CP	THEO NĐ SỐ 99/2018/NĐ-CP		
10	Suy giảm khả năng lao động 70%					
11	Suy giảm khả năng lao động 71%					
12	Suy giảm khả năng lao động 72%					
13	Suy giảm khả năng lao động 73%					
14	Suy giảm khả năng lao động 74%					
15	Suy giảm khả năng lao động 75%					
16	Suy giảm khả năng lao động 76%					
17	Suy giảm khả năng lao động 77%					
18	Suy giảm khả năng lao động 78%					
19	Suy giảm khả năng lao động 79%					
20	Suy giảm khả năng lao động 80%					
21	Suy giảm khả năng lao động 81%					
22	Suy giảm khả năng lao động 82%					
23	Suy giảm khả năng lao động 83%					
24	Suy giảm khả năng lao động 84%					
25	Suy giảm khả năng lao động 85%					
26	Suy giảm khả năng lao động 86%					
27	Suy giảm khả năng lao động 87%					
28	Suy giảm khả năng lao động 88%					
29	Suy giảm khả năng lao động 89%					
30	Suy giảm khả năng lao động 90%					
31	Suy giảm khả năng lao động 91%					
32	Suy giảm khả năng lao động 92%					
33	Suy giảm khả năng lao động 93%					
34	Suy giảm khả năng lao động 94%					
35	Suy giảm khả năng lao động 95%					
36	Suy giảm khả năng lao động 96%					

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG TẠI THỜI ĐIỂM 01/7/2018	QUỸ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP THÁNG 7/2018		TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018
			THEO NĐ SỐ 70/2017/NĐ-CP	THEO NĐ SỐ 99/2018/NĐ-CP		
37	Suy giảm khả năng lao động 97%					
38	Suy giảm khả năng lao động 98%					
39	Suy giảm khả năng lao động 99%					
40	Suy giảm khả năng lao động 100%					
41	Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên					
42	Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng					
VI	**BỆNH BINH HẠNG 3 (BB 3)**					
1	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 41%					
2	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 42%					
3	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 43%					
4	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 44%					
5	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 45%					
6	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 46%					
7	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 47%					
8	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 48%					
9	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 49%					
10	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 50%					
11	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 51%					
12	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 52%					
13	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 53%					
14	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 54%					
15	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 55%					
16	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 56%					
17	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 57%					
18	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 58%					
19	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 59%					
20	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 60%					

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG TẠI THỜI ĐIỂM 01/7/2018	QUỸ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP THÁNG 7/2018		TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018
			THEO NĐ SỐ 70/2017/NĐ-CP	THEO NĐ SỐ 99/2018/NĐ-CP		
VII	**NGƯỜI PHỤC VỤ TB, TB.B, BỆNH BINH, BÀ MẸ VNAH, HĐKC NHIỄM CĐHH**					
1	Người phục vụ TB, TB.B, BB từ 81% trở lên					
2	Người phục vụ TB, TB.B, BB từ 81% trở lên đặc biệt nặng					
3	Người phục vụ Bà Mẹ VNAH					
4	Người phục vụ người HĐKC nhiễm CĐHH từ 81% trở lên					
VII	**TRỢ CẤP TUẤT ĐỐI VỚI THÂN NHÂN NCC VỚI CÁCH MẠNG**					
1	Trợ cấp tuất đối với thân nhân 1 liệt sỹ					
2	Trợ cấp tuất đối với thân nhân 2 liệt sỹ					
3	Trợ cấp tuất đối với thân nhân 3 liệt sĩ trở lên					
4	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân liệt sỹ					
5	Trợ cấp tuất đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc lấy vợ khác					
6	Trợ cấp tuất đối với thân nhân cán bộ lão thành cách mạng					
7	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân cán bộ lão thành cách mạng					
8	Trợ cấp tuất đối với thân nhân cán bộ tiền khởi nghĩa					
9	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân cán bộ tiền khởi nghĩa					
10	Trợ cấp tuất đối với thân nhân của TB, TB.B, BB suy giảm KNLĐ từ 61% trở lên từ trần					
11	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân của TB, TB.B, BB từ 61% trở lên từ trần					
12	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của người HĐKC bị nhiễm CĐHH từ 61% trở lên từ trần					
13	Trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân của người HĐKC bị nhiễm CĐHH từ 61% trở lên từ trần					
IX	**NGƯỜI CÓ CÔNG GIÚP ĐỠ CÁCH MẠNG**					
1	Trợ cấp hàng tháng đối với NCC giúp đỡ CM trước T8/1945					
2	Trợ cấp nuôi dưỡng đối với NCC giúp đỡ CM trước T8/1945					
3	Trợ cấp hàng tháng đối với NCC giúp đỡ CM trong kháng chiến					
4	Trợ cấp nuôi dưỡng đối với NCC giúp đỡ CM trong kháng chiến					
X	**NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÁNG CHIẾN BỊ NHIỄM CHẤT ĐỘC HOÁ HỌC**					
1	Bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 21%-40%					
2	Bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 41%-60%					
3	Bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 61%-80%					

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ NGƯỜI HƯỞNG TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG TẠI THỜI ĐIỂM 01/7/2018	QUỸ TRỢ CẤP, PHỤ CẤP THÁNG 7/2018		TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	TRỢ CẤP, PHỤ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018
			THEO NĐ SỐ 70/2017/NĐ-CP	THEO NĐ SỐ 99/2018/NĐ-CP		
4	Bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên					
5	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên					
6	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CĐHH suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng					
XI	**CON ĐẺ NGƯỜI HĐKC NHIỄM CHẤT ĐỘC HOÁ HỌC**					
1	Suy giảm khả năng lao động từ 61% - 80%					
2	Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên					
XII	**NGƯỜI HĐCM HOẶC HĐKC BỊ ĐỊCH BẮT TÙ, ĐÀY**					

Ngày tháng năm 2018

LẬP BIỂU **TP. KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH** **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội....

Biểu số 2

TỔNG HỢP NHU CẦU TRỢ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG THÁNG TĂNG THÊM TRONG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO NĂM 2018 THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 99/2018/NĐ-CP

Đơn vị: 1.000 đồng

Số TT	Đối tượng	Số người hưởng trợ cấp GD-ĐT hàng tháng tại thời điểm 01/7/2018	Quỹ trợ cấp tháng 7/2018		Kinh phí tăng thêm 1 tháng	Kinh phí tăng thêm năm 2018
			Theo NĐ số 70/2017/NĐ-CP	Theo NĐ số 99/2018/NĐ-CP		
A	B	1	2	3	4=3-2	5=4x6
	TỔNG CỘNG	-	-	-	-	-
1	Anh hùng LLVT, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến					
2	Thương binh và người hưởng chính sách như thương binh, thương binh B					
4	Con cán bộ LTCM, con cán bộ tiền khởi nghĩa					
5	Con Anh hùng LLVT, Anh hùng Lao động trong KC					
3	Con Liệt sỹ					
6	Con thương binh và người hưởng chính sách như TB, con TB loại B, con BB suy giảm khả năng LĐ từ 61% trở lên					
7	Con của người HĐKC bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên					
8	Con thương binh và người hưởng chính sách như TB, con TB loại B, con BB suy giảm khả năng LĐ dưới 61%					
9	Con của người HĐKC bị nhiễm chất độc hoá học suy giảm khả năng lao động dưới 61%					

Ngày tháng năm 2018

LẬP BIỂU | **TP. KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH** | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Lao động - Thương binh và Xã hội.....

Biểu số 3

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ BẢO HIỂM YTẾ TĂNG THÊM NĂM 2018 THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 99/2018/NĐ-CP

Đơn vị: 1.000 đồng

ố T	Đối tượng	Số người hưởng BHYT tại thời điểm 01/7/2018	Quỹ trợ cấp BHYT tháng 7/2018		Kinh phí BHYT tăng thêm 1 tháng	Kinh phí BHYT tăng thêm năm 2018
			Mức tính theo lương cơ sở theo NĐ 47/2017/NĐ-CP (58.500đ/1đ.tượng/ 1tháng)	Mức tính theo lương cơ sở theo NĐ 72/2018/NĐ-CP (62.550đ/1đ.tượng/ 1tháng)		
A	B	1	2	3	4 = 3 - 2	5 = 4 x 6
	TỔNG CỘNG	-	-	-	-	-
1	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945					
2	Thân nhân của người HĐCM trước ngày 01/01/1945 từ trần					
3	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước TKN					
4	Thân nhân của người HĐCM từ ngày 01/01/1945 đến trước TKN từ trần					
5	Thân nhân liệt sĩ					
6	Bà mẹ Việt nam anh hùng					
7	Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng					
8	Anh hùng LLVTND, Anh hùng LĐ trong thời kỳ KC					
9	Thân nhân của AH LLVTND, AHLĐ trong thời kỳ KC					
10	Thương binh (TB), người hưởng chính sách như TB					
11	Thương binh loại B					
12	Người phục vụ TB, người hưởng c/s như TB, TB.B suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên					
13	Thân nhân của TB, người hưởng c/s như TB, TB.B suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên					
14	Bệnh binh					
15	Bệnh binh hạng 3 (BB 3)					
16	Người phục vụ bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên					
17	Thân nhân của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên					
18	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH					

Số TT	Đối tượng	Số người hưởng BHYT tại thời điểm 01/7/2018	Quỹ trợ cấp BHYT tháng 7/2018		Kinh phí BHYT tăng thêm 1 tháng	Kinh phí BHYT tăng thêm năm 2018
			Mức tính theo lương cơ sở theo NĐ 47/2017/NĐ-CP (58.500đ/1đ.tượng/ 1tháng)	Mức tính theo lương cơ sở theo NĐ 72/2018/NĐ-CP (62.550đ/1đ.tượng/ 1tháng)		
19	Người phục vụ người HĐKC bị nhiễm CĐHH suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên					
20	Con đẻ bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên của người HĐKC bị nhiễm CĐHH đang hưởng trợ cấp hàng tháng					
21	Thân nhân của người HĐKC bị nhiễm CĐHH suy giảm KNLĐ từ 61% trở lên					
22	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày					
23	Người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ TQ và làm nghĩa vụ quốc tế					
24	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng					
25	Người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến					
26	TNXP thời kỳ chống Pháp (theo QĐ 170/2008/QĐ-TTg)					

Ngày tháng năm 2018

LẬP BIỂU **TP. KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH** **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**